

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: đường D, khu nhà ở P, số A đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú đường D, khu nhà ở P, số A đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024, bản tự khai ngày 16/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 11/02/2019. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cũng đã can thiệp nhưng không thể giải quyết được. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông A và có đơn khởi kiện ly hôn ông A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Lê Đức T1, sinh ngày 01/6/2019. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông A nhưng ông A vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn A đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông A là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện tại bà T xác định không còn tình cảm với ông A, do đó, cần giải quyết ly hôn cho bà T và ông A. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Lê Đức T1, sinh ngày 01/6/2019. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đức T1, hiện tại cháu T1 đang do bà T nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu T1 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về tố tụng thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với ông Phạm Văn A. Ông A có địa chỉ tạm trú và hiện đang sinh sống tại đường D, khu nhà ở P, số A đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn A đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 229, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 11/02/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không thể nói chuyện và chia sẻ cho nhau, mà lại thường xuyên cãi vã, mặc dù hai gia đình cũng đã hoà giải nhưng không thể giải quyết được. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông A và có đơn khởi kiện ly hôn ông A. Quá trình giải quyết vụ án, bà T xác

định ông A có đăng ký tạm trú và sinh sống tại đường D, khu nhà ở P, số A đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tại Phiếu xác minh ngày 01/7/2024, Công an phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin: “*Công dân Phạm Văn A, sinh năm 1994, đang sinh sống tại địa chỉ: Đường D, khu nhà ở P, số 1444 DT743A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B*” là phù hợp với lời trình bày của bà T. Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ tạm trú của ông A nhưng ông A vẫn không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét, lời trình bày của bà T và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Bà T xác định hiện tại bà T không còn tình cảm với ông A, cả hai không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Đối chiếu quy định của pháp luật nêu trên thì mục đích hôn nhân giữa bà T và ông A không đạt được nên cần giải quyết cho bà T và ông A ly hôn, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông A có 01 con chung tên Phạm Lê Đức T1, sinh ngày 01/6/2019. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức T1, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét, yêu cầu của bà T thấy rằng: Cháu Phạm Lê Đức T1, sinh ngày 01/06/2019, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển tốt, cho đi học. Vì vậy, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt và tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu nên cần giao cháu T1 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 19 và các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Phạm Văn A về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn ông Phạm Văn A.

- Về con chung: Bà Lê Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Lê Đức T1, sinh ngày 01/06/2019. Ông Phạm Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông A lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông A. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T về việc không yêu cầu ông Phạm Văn A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004943, ngày 06/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân